

Bản án số: 34/2020/DS-ST.

Ngày: 17-9-2020.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các hội thẩm nhân dân: ông Phan Sỹ Phác và ông Nguyễn Duy Chân

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Kim Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T; Địa chỉ: Số 266-268 N, phường T, quận S, thành phố M.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Trưởng phòng Giao dịch Ngân hàng TMCP T, chi nhánh N, phòng giao dịch C. Địa chỉ: Lô D1 khu công nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh Đắc N. (Theo văn bản ủy quyền số 30/2020/GUQ-ĐNo – Đắc Nông ngày 09/01/2020) – Có mặt.

- Bị đơn: ông Lê Đình K và bà Lê Thị H; Địa chỉ: thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2020 và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Đình L trình bày:

Vào ngày 20/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP T, chi nhánh N, phòng giao dịch C với ông Lê Đình K và bà Lê Thị H có ký 02 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số LD 1832400003 ông Lê Đình K và bà Lê Thị H vay ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng, theo giấy nhận nợ LD 1832700491 ngày 23/11/2018. Thời hạn vay là 12 tháng. Hạn trả nợ là ngày 23/11/2019. Lãi suất năm đầu tiên là 10,5%/01 năm (tháng đầu tiên 0,875%/01 tháng); tháng thứ 02 trở

đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ +4%; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phạt chậm trả lãi là 10%/01 năm.

- Hợp đồng tín dụng số LD 1832400005 ông Lê Đình K và bà Lê Thị H vay ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng, Thời hạn vay là 60 tháng. Phương thức trả nợ: Vốn lãi trả 05 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng như sau:

- Kỳ 01 (Ngày 23/11/2019) ông Lê Đình K và bà Lê Thị H phải trả số tiền 20.000.000 đồng.

- Kỳ 02 (Ngày 23/11/2020) ông Lê Đình K và bà Lê Thị H phải trả số tiền 20.000.000 đồng.

- Kỳ 03 (Ngày 23/11/2021) ông Lê Đình K và bà Lê Thị H phải trả số tiền 20.000.000 đồng.

- Kỳ 04 (Ngày 23/11/2022) ông Lê Đình K và bà Lê Thị H phải trả số tiền 50.000.000 đồng.

- Kỳ 05 (Ngày 23/11/2023) ông Lê Đình K và bà Lê Thị H phải trả số tiền 390.000.000 đồng.

Ông Lê Đình K và bà Lê Thị H đã nhận nợ theo giấy nhận nợ như sau:

1) Giấy nhận nợ số 01/LD 1832400005 ngày 23/11/2018 nhận nợ số tiền 50.000.000 đồng;

2) Giấy nhận nợ số 02/LD 1832400005 ngày 24/11/2018 nhận nợ số tiền 260.000.000 đồng;

3) Giấy nhận nợ số 03/LD1832400005 ngày 29/11/2018 nhận nợ số tiền 190.000.000 đồng. (Mục đích vay vốn là để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp và tiêu dùng phục vụ đời sống).

Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 11,8%/01 năm kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ + Biên độ 5% và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi Phạt chậm trả lãi là 10%/01 năm.

Về tài sản đảm bảo: Ngân hàng TMCP T chi nhánh N – PGD C với ông Lê Đình K và bà Lê Thị H đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 507/17/TCCJ ngày 15/11/2017 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01/507/17/TCCJ ngày 21/11/2018 đã thế chấp những tài sản gồm:

1. Thửa đất số 85, tờ bản đồ số 66 có diện tích 6.085m² do ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 978015 ngày 26/11/2013 mang tên Lê Đình K, đất tọa lạc tại thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

2. Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 66 có diện tích 7.550m² do ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 978013 ngày 26/11/2013 mang tên Lê Đình K, đất tọa lạc tại thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 116 có diện tích 16.508m² do ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 978014 ngày 26/11/2013 mang tên Lê Đình K, đất tọa lạc tại thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng khi đến hạn thanh toán thì ông Lê Đình K và bà Lê Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình vi phạm hợp đồng đã ký kết. Vì vậy ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 23/11/2019 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

Nay Ngân hàng TMCP T chi nhánh N – PGD C yêu cầu ông Lê Đình K và bà Lê Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 17/9/2020 là: 872.333.966 đồng trong đó tiền lãi trong hạn: 155.371.789 đồng; tiền lãi quá hạn: 16.962.177 đồng; cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LD 1832400003 thì tiền gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 39.649.863 đồng; tiền lãi quá hạn: 10.745.100 đồng; tổng cộng 250.394.963 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LD 1832400005 thì tiền gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 115.721.926 đồng; tiền lãi quá hạn 6.217.077 đồng; tổng cộng 621.939.003 đồng.

Yêu cầu ông Lê Đình K và bà Lê Thị H phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng việc trả nợ thì yêu cầu Tòa án cho kê biên, phát mãi các tài sản của ông Lê Đình K và bà Lê Thị H thế chấp để thu hồi nợ.

2. Bị đơn ông Lê Đình K và bà Lê Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người được ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, bị đơn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận cho đến khi trả xong toàn bộ nợ, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên đối với bị đơn ông Lê Đình K và bà Lê Thị H có đăng ký HKTT tại thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N nhưng ông K, bà H đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 9/2019, khi đi không thông báo với chính quyền địa phương nên hiện tại địa phương không biết ông K, bà H đang ở đâu. Tòa án nhân dân huyện M không tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại

chúng mà chỉ niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là chưa bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoãn phiên tòa để làm thủ tục thông báo cho các bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Do thủ tục nhận tin chưa đảm bảo nên đại diện viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (ông Lê Đình K và bà Lê Thị H) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Theo kết quả xác minh thì ông Lê Đình K và bà Lê Thị H đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 9/2019 cho đến nay vì vậy Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành niêm yết các thông báo, văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông K, bà H vẫn không có thông tin gì. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

2. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Ông Lê Đình K và bà Lê Thị H vay vốn tại Ngân hàng TMCP T chi nhánh N – PGD C, địa chỉ tại Lô D1 Khu Công Nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh N theo 02 Hợp đồng tín dụng số LD 1832400003 và LD 1832400005 ký ngày 20/11/2018, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LD 1832400003 ông Lê Đình K và bà Lê Thị H vay ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng, theo giấy nhận nợ LD 1832700491 ngày 23/11/2018. Thời hạn vay là 12 tháng. Hạn trả nợ là ngày 23/11/2019. Lãi suất năm đầu tiên là 10,5%/01 năm (tháng đầu tiên 0,875%/01 tháng); tháng thứ 02 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ +4%; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phạt chậm trả lãi là 10%/01 năm.

- Hợp đồng tín dụng số LD 1832400005 ông Lê Đình K và bà Lê Thị H vay ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng, Thời hạn vay là 60 tháng. Phương thức trả nợ: Vốn lãi trả 05 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng như sau:

- Kỳ 01 (Ngày 23/11/2019) trả 20.000.000 đồng.

- Kỳ 02 (Ngày 23/11/2020) trả 20.000.000 đồng.
- Kỳ 03 (Ngày 23/11/2021) trả 20.000.000 đồng.
- Kỳ 04 (Ngày 23/11/2022) trả 50.000.000 đồng.
- Kỳ 05 (Ngày 23/11/2023) trả 390.000.000 đồng.

Ông Lê Đình K và bà Lê Thị H đã nhận nợ theo giấy nhận nợ theo giấy nhận nợ LD 1832700491 ngày 23/11/2018 với số tiền 200.000.000 đồng và Giấy nhận nợ số 01/LD 1832400005 ngày 23/11/2018 nhận nợ số tiền 50.000.000 đồng; Giấy nhận nợ số 02/LD 1832400005 ngày 24/11/2018 nhận nợ số tiền 260.000.000 đồng; Giấy nhận nợ số 03/LD1832400005 ngày 29/11/2018 nhận nợ số tiền 190.000.000 đồng. (Mục đích vay vốn là để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp và tiêu dùng phục vụ đời sống).

Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 11,8%/01 năm kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng, lãi cuối kỳ + Biên độ 5% và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi Phạt chậm trả lãi là 10%/01 năm.

Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì vào ngày 23/5/2019 thì ông Lê Đình K và bà Lê Thị H trả số tiền lãi 50.129 đồng. Ngoài ra ông Lê Đình K và bà Lê Thị H không trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng được ký kết giữa 02 bên, ông Lê Đình K và bà Lê Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng kể từ ngày 23/11/2019. Do đó việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Đình K và bà Lê Thị H phải thanh toán toàn bộ số nợ là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là: 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả giữa Ngân hàng và ông K, bà H theo hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử ngày 17/9/2020, cụ thể: Lãi trong hạn là: 155.371.789 đồng; tiền lãi quá hạn: 16.962.177 đồng đồng. Ông Lê Đình K và bà Lê Thị H phải tiếp tục phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày 18/9/2020 cho đến khi trả xong nợ.

[2.2] Đối với tài sản thế chấp:

[2.2.1] Hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho các khoản vay, Ngân hàng TMCP T chi nhánh N – PGD C với ông Lê Đình K và bà Lê Thị H đã

ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 507/17/TCCJ ngày 15/11/2017 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01/507/17/TCCJ ngày 21/11/2018 thỏa thuận sử dụng các tài sản gồm:

- Thửa đất số 85, tờ bản đồ số 66 có diện tích 6.085m² do ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 978015 ngày 26/11/2013 mang tên Lê Đình K, đất tọa lạc tại thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 66 có diện tích 7.550m² do ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 978013 ngày 26/11/2013 mang tên Lê Đình K, đất tọa lạc tại thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 116 có diện tích 16.508m² do ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 978014 ngày 26/11/2013 mang tên Lê Đình K, đất tọa lạc tại thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[2.2.2] Về xử lý tài sản thế chấp:

Tại Điều 6 của các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các bên thỏa thuận về các trường hợp Ngân hàng TMCP T chi nhánh N – PGD C được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong đó xác định rõ “ Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ được quy định tại hợp đồng tín dụng.....”

Như vậy, nếu ông Lê Đình K và bà Lê Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng ủy quyền, các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên.

[3] Đối với ông Lê Đình K và bà Lê Thị H mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần (đã tiến hành thông báo, niêm yết theo đúng quy định của pháp luật) nhưng không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tại phiên toà: Hội đồng xét xử xét thấy vào ngày 23/11/2018, ông Lê Đình K và bà Lê Thị H với Ngân hàng TMCP T có ký 02 hợp đồng tín dụng cụ thể: Hợp đồng tín dụng số LD 1832400003 ông K, bà H vay số tiền 200.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số LD 1832400005 vay ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng.

Ông Lê Đình K và bà Lê Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 9/2019 cho đến

nay. Tuy nhiên, khi ông K, bà H bỏ đi khỏi nơi cư trú nhưng lại không thông báo với chính quyền địa phương và Ngân hàng TMCP S về nơi cư trú mới. Do đó, Tòa án nhân dân huyện M xác định ông Lê Đình K và bà Lê Thị H đã cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ theo hướng dẫn tại Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thông báo, văn bản tố tụng đối với ông Lê Đình K và bà Lê Thị H theo quy định của pháp luật và đưa vụ án trên ra xét xử vào ngày 17/9/2020.

Đối với thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Ngân hàng TMCP T không có yêu cầu nên không có căn cứ để Tòa án tiến hành thông báo đối với ông Lê Đình K và bà Lê Thị H.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chi toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản là: 2.700.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có căn cứ nên ông Lê Đình K và bà Lê Thị H phải chịu trách nhiệm về số tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 299, 317, 318, 318, 320, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T đối với bị đơn ông Lê Đình K và bà Lê Thị H.

2. Buộc ông Lê Đình K và bà Lê Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP T, chi nhánh N, phòng giao dịch C tổng số tiền tính đến 17/9/2020 là: 872.333.966đ (*Tám trăm bảy mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng*) trong đó tiền gốc là 700.000.000đồng, tiền lãi trong hạn: 155.371.789 đồng; tiền lãi quá hạn: 16.962.177 đồng; cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LD 1832400003 thì tiền gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 39.649.863 đồng; tiền lãi quá hạn: 10.745.100 đồng; tổng cộng 250.394.963 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LD 1832400005 thì tiền gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 115.721.926 đồng; tiền lãi quá hạn 6.217.077 đồng; tổng cộng 621.939.003 đồng.

3. Thời hạn thanh toán: Theo trình tự thủ tục thi hành án Dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/9/2020) ông Lê Đình K và bà Lê Thị H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Lê Đình K và bà Lê Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp gồm đất và tài sản trên đất tại:

- Thửa đất số 85, tờ bản đồ số 66 có diện tích 6.085m² do ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 978015 ngày 26/11/2013 mang tên ông Lê Đình K, đất tọa lạc tại thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 66 có diện tích 7.550m² do ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 978013 ngày 26/11/2013 mang tên ông Lê Đình K, đất tọa lạc tại thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 116 có diện tích 16.508m² do ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 978014 ngày 26/11/2013 mang tên ông Lê Đình K, đất tọa lạc tại thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

4. Về án phí: Ông Lê Đình K và bà Lê Thị H phải nộp: 38.170.000đ (*Ba mươi tám triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.624.000 đồng (*Mười sáu triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng*) theo biên lai số 0001963 ngày 19/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk M.

5. Về chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản: căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự: Lê Đình K và bà Lê Thị H phải chịu và trả lại cho Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh N chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản là 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện M;
- THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thế Thắng